

QUAN ĐIỂM CỦA JOHN DEWEY VỀ “TƯ DUY, TƯ DUY PHÊ PHÁN” TRONG TÁC PHẨM “CÁCH TA NGHĨ” VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ TRONG CÁI CÁCH GIÁO DỤC

NGUYỄN THỊ THANH DUNG^(*)
NGUYỄN THỊ THANH HÒA^(**)

John Dewey (1859-1952) là một nhà triết học người Mỹ, thuộc trường phái chủ nghĩa thực dụng. Trong cuộc đời làm việc, Dewey có ảnh hưởng rất lớn không chỉ trong triết học, mà còn là một nhà giáo dục, nhà bình luận và nhà hoạt động chính trị. Ông không chỉ hạn chế mình trong môi trường học thuật mà còn tích cực hoạt động biến những tư tưởng đó trở thành hiện thực nhằm cải tạo xã hội. Điều đó khiến ông trở thành một nhà triết học hành động. Triết học giáo dục của John Dewey chú trọng sửa chữa các khuyết điểm nhị nguyên trong truyền thống giáo dục; xem hoạt động học tập là một quá trình năng động có kiến tạo của người học trên cơ sở thực nghiệm khoa học và kinh nghiệm; đề cao vai trò của nhà trường trong việc đào tạo ra những chủ thể có tri thức, kỹ năng sống, năng lực làm việc, biết phán đoán cơ hội và có phản ứng chủ động, tích cực trước hoàn cảnh sống; xem xét mục tiêu giáo dục trong mối quan hệ với các quá trình, giá trị xã hội [3].

John Dewey cũng là một trong những người đặt nền móng cho triết học



giáo dục Mỹ. Ông được coi là cha đẻ của phong trào cải cách giáo dục. Năm 1896, ông và các đồng nghiệp đã thành lập trường đại học thực nghiệm với tên gọi Trường Thực nghiệm

giáo dục thuộc Đại học Chicago (Chicago Laboratory School of Education). Ông mong muốn ngôi trường này là môi trường hiện thực hóa những lý tưởng giáo dục vào thực tiễn nhằm đem lại hạnh phúc cho mỗi cá nhân và giảm bớt sự lãng phí xã hội trong đào tạo con người. Đây là trường học đầu tiên của Mỹ xác định “Trẻ em là trung tâm” và lấy đó làm chủ trương cho hoạt động

^(*) ThS., Viện Chính trị học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

^(**) ThS., Giảng viên Khoa Xã hội, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.

giáo dục của nhà trường. Ngày nay người ta biết đến trường này nhiều hơn với tên gọi “Trường Dewey”.

Sau khi Dewey mất (năm 1952), danh tiếng của ông đã đi vào quá khứ một cách nhanh chóng. Trong những năm 1950, tư tưởng triết học và giáo dục của ông đã bị những người đối lập chỉ trích nặng nề; họ cho rằng, hầu hết những nhược điểm của hệ thống giáo dục công lập ở Mỹ đều là do lỗi của ông.

Ngày nay, khi giáo dục trở thành mục tiêu trong chiến lược phát triển bền vững của mỗi quốc gia thì tư tưởng cải cách giáo dục của Dewey lại là một tham khảo hữu ích cho phương pháp giáo dục tích cực ở một số trường học trên thế giới. “Cách ta nghĩ” là một trong nhiều công trình thể hiện những ý tưởng của Dewey về cải cách giáo dục. Trong đó, John Dewey nói về bản chất tư duy của con người - vấn đề mà theo ông, là căn nguyên, cội rễ để tìm ra phương thức giáo dục hợp lý. John Dewey cho rằng, điều quan trọng của cải cách giáo dục là tìm thấy phương pháp chung nhất để giản lược hóa những tri thức cần thiết mà vẫn phát huy được tính tích cực sáng tạo của người học. Giải mã điều đó, ông đưa ra những lý giải về tư duy. Với khuôn khổ có hạn của bài viết, các tác giả bước đầu tìm hiểu quan điểm “tư duy, tư duy phê phán” trong “Cách ta nghĩ” – nên tảng cho sự tìm tòi những lập luận của John Dewey.

1. Quan điểm của John Dewey về “tư duy, tư duy phê phán”

Tư duy bắt nguồn từ “ý nghĩ”. Việc tìm hiểu “ý nghĩ” là gì?, sự cần thiết của việc rèn ý nghĩ, các năng lực tự nhiên trong việc rèn ý nghĩ, các điều kiện, phương tiện và mục đích của việc rèn ý

nghĩ, là cách thức để ta hiểu hơn về “tư duy” và “tư duy phê phán” – khái niệm công cụ để hiểu những nội dung cơ bản trong cuốn sách của John Dewey: “*Cách ta nghĩ*”.

Về “ý nghĩ” là gì, theo Dewey “ý nghĩ” được dùng rộng rãi trong cuộc sống hàng ngày với nhiều nghĩa.

Thứ nhất: bất cứ cái gì hiện ra trong trí, cái gì “*lướt qua đầu*”, đều được gọi là một ý nghĩ [1, 9]. Nghĩ tới một sự vật chỉ có nghĩa là có ý thức về sự vật đó theo bất cứ cách nào. Kiểu mơ mộng giữa ban ngày, xây lâu đài trên cát, cái luồng vô định các chất liệu tùy tiện và rời rạc ấy khi trôi ngang đầu óc chúng ta trong những lúc rỗi rãi, theo cái nghĩa vô tư lự này, là sự nghĩ tưởng (những ý nghĩ, liên tưởng, tưởng tượng) [1, 11]. Cũng trong cuốn sách, tác giả có đề cập đến “ý nghĩ phản tỉnh”. Đó được hiểu là một chuỗi các sự vật chạy ngang qua trí óc chúng ta không phải một cách ngẫu nhiên mà chúng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, kết quả của cái này là cơ sở cho cái sau. Đó là một chuỗi các công đoạn nối tiếp nhau trong dòng chảy của suy nghĩ. Nói cách khác, đó là sự liên mạch của một chuỗi ý nghĩ về các sự vật khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Thứ hai: Ý nghĩ được giới hạn bằng cách gạt đi tất cả những gì trực tiếp hiển nhiên. Nghĩa là ý nghĩ về sự vật thường xuất hiện khi sự vật không tồn tại trước mắt chúng ta. Nói cách khác, ý nghĩ phản ánh sự vật một cách gián tiếp. “Chúng ta nghĩ điều gì đó chỉ khi nào chúng ta không trực tiếp trông thấy, nghe, ngửi, hoặc nắm được” [1, 12]. Chẳng hạn, khi hỏi người kể chuyện liệu anh ta đã tận mắt thấy sự việc nào đó xảy ra chưa, câu trả lời rất

có thể là “không, tôi chỉ nghĩ thế”. Câu chuyện đó được ghi lại không phải bằng sự quan sát trung thực mà đã được người kể hư cấu. Mục đích là dựng lên những câu chuyện hay chứ không nhằm tạo ra tri thức, sự tin tưởng. “Những ý nghĩ đó là sự giải phóng xúc cảm nhằm đẩy tới một trạng thái tâm lý hoặc cảm xúc; mỗi ràng buộc của chúng nằm ở sự đồng điệu cảm xúc” [1, 13].

Thứ ba: Ý nghĩ được lược bớt đi chỉ bao gồm những niềm tin có căn cứ trên một kiểu bằng chứng hay sự thực chứng nào đó. Trong loại thứ ba này có hai kiểu: trong một số trường hợp, một niềm tin được chấp thuận mà hầu như không mấy tốn sức để chỉ ra được cơ sở cho niềm tin ấy. Trong hoàn cảnh khác, căn cứ hay nền tảng của niềm tin phải được chủ động truy nguyên cũng như tính thích đáng của nó phải được xem xét [1, 10]. Có những niềm tin được chấp nhận ngay khi những căn cứ của chúng chưa được tính đến, trong khi những niềm tin khác được chấp nhận bởi lẽ căn cứ của chúng đã được khảo sát.

Vậy ý nghĩ được biểu hiện qua các sắc thái như thế nào?

1/ Ý nghĩ gọi đến mọi thứ, “ở trong đầu ta” hay “lướt qua óc ta”.

2/ Ý nghĩ được giới hạn trong phạm vi các vấn đề không trực tiếp cảm nhận được: tức không nhìn thấy, ngửi, nghe, sờ nắm được (tức ý nghĩ phản ánh gián tiếp sự vật).

3/ Ý nghĩ biểu thị niềm tin dựa vào một căn cứ là tri thức.

4/ Ý nghĩ đưa lại niềm tin sẽ dẫn đến tư duy phê phán (tức sự truy vấn vào bản chất, vào điều kiện và cơ sở của niềm tin). Nói cách khác, tư duy phê phán là những suy tính, dẫn đo, những

ý nghĩ phản biện, tranh luận, cân nhắc, nghi ngờ về những kết luận hay những chân lý đã được thừa nhận dựa trên những tri thức, những hiểu biết có căn cứ nhằm đưa ra những kết luận mang tính giải phóng tư tưởng cũ. Có một thành tố chung trong các loại suy tưởng đó là chứng cứ. Từ cái trông thấy - gọi ra - là cơ sở, căn cứ cho niềm tin để có những kết luận, những ý nghĩ mới.

Như vậy, “ý nghĩ” được hiểu là sự phản ánh sự vật, hiện tượng mang tính gián tiếp, dựa trên những hiểu biết, niềm tin về sự vật, hiện tượng. Đó có thể là những “ý nghĩ” vắn vơ, mang tính ngẫu hứng, bất chợt hoặc thoáng qua không nhằm đi tìm hiểu bản chất của sự vật, hiện tượng cũng không phải là công cụ, là phương tiện, cách thức để con người giải quyết những nan giải của cuộc sống. Nhưng “ý nghĩ” là một hình thức hoạt động ở trình độ đơn giản nhất của bộ não, biểu hiện các cấp độ khác nhau trong hoạt động của con người. Đây là những cơ sở ban đầu để hình thành nên “tư duy”.

Từ cách hiểu “ý nghĩ” như vậy, *tư duy* được định nghĩa là *sự vận động của bộ óc trong đó những sự vật hiện thời gọi tới những sự vật (hoặc sự thực) khác theo cách tạo ra niềm tin vào cái sau dựa trên cơ sở hoặc dựa vào sự bảo đảm của cái trước* [1, 21]. Chúng ta không đặt niềm tin đơn giản chỉ dựa vào suy luận ở mức độ đảm bảo cao nhất. Niềm tin thu được thông qua suy luận có thể mãi về sau mới được xác nhận và đứng vững, nhưng tự thân nó luôn chứa đựng trong mình đôi phần giả định. Nói cách khác, bản thân niềm tin, những tri thức, kết luận, chân lý có được lại chứa đựng trong đó những yếu tố phủ định nó. Đó là biểu hiện của tư duy phê phán.

Quan điểm này được coi là tiền đề xuất phát trong lý thuyết của John Dewey để hình thành một loạt các giả thuyết và phương pháp luận nghiên cứu. Luận điểm chính của ông là: tất cả điều tra, nghiên cứu hay giải quyết vấn đề đều có thể quy về *sự tái cấu trúc các tình huống có vấn đề* có liên quan đến các công cụ và các đồ tạo tác. Và cho dù các công cụ và đồ tạo tác đó là trừu tượng hay cụ thể, hữu hình hay vô hình, thì chúng cũng đều mang tính phương tiện. Nói cách khác, điều tra là một nghiên cứu về *các thói quen, các kỹ thuật* (bao gồm cả các giá trị, niềm tin, v.v. vốn vô hình) của chúng ta khi chúng *sụp đổ hoặc trở nên có vấn đề*.

John Dewey đã thay việc đi *tìm bản chất* bằng việc điều tra xem con người đã *dùng trí tuệ của mình như thế nào* trong *quá trình giải quyết các nan giải* của cuộc sống. Nói cách khác, mục đích của việc điều tra đó không phải là đi tới các kết luận về “bản chất”, cho dù ngày càng sâu hơn, khái quát hơn, cấp độ cao hơn như quan niệm bấy lâu của chúng ta, mà về *cách thức có thể có để giải quyết* các vấn đề mà cuộc sống đặt ra. *Cách thức giải quyết các vấn đề do cuộc sống đặt ra - đó là tư duy*. Như vậy, trong quan niệm của Dewey, mục đích, kết quả, “bản chất” không hẳn được định hình sẵn, nhất thành bất biến mà nó sẽ dần được định hình rõ khi con người tìm được phương thức hành động đúng để đạt tới nó. Dewey cũng phê phán cả quan điểm tôn tại phổ biến trong 1/4 thế kỷ ở thời kỳ hậu hiện đại, tôn sùng các phương tiện, coi trọng công nghệ - mà trong nhiều trường hợp có nghĩa là tôn trọng cách thức hơn là kết quả. Thực chất, Dewey nhấn mạnh vai trò của tư duy nhằm đạt tới những mục đích trong cuộc sống.

Theo Dewey, nguồn gốc của suy tưởng được bắt đầu từ một tình trạng do dự, bối rối hoặc nghi ngờ nào đó. Bước tiếp theo là gợi ý để tháo gỡ việc hình thành một kế hoạch hay dự tính nào đó để đương đầu với những cái cụ thể đang tra xét, việc cất nhắc một giải pháp cho vấn đề. Những dữ liệu đã có không mang đến giải pháp, chúng chỉ gợi ý về giải pháp (tức là những tiền đề, giả thuyết không đưa đến kết luận, chân lý, giải pháp mà chỉ gợi ý để đưa ra những giải pháp, chân lý). Cội rễ cho sự gợi ý là kinh nghiệm và những kiến thức đã có từ trước. Đối mặt với một vấn đề nan giải và với đủ lượng kinh nghiệm từng giải quyết khó khăn tương tự để vận dụng thì sự khác biệt - trong mức độ cao nhất - giữa suy tư tốt và suy tư tồi được tìm thấy chính ở điểm này. Tư duy phê phán luôn khiến ta ít nhiều cảm thấy bần khổ và khó chịu vì nó liên quan đến sự sẵn lòng chịu đựng một tình trạng tinh thần bất an và xáo động. Nói gọn, tư duy phê phán là trì hoãn đánh giá để tra xét sâu hơn trong khi việc trì hoãn cũng ít nhiều đòi hỏi sự gánh chịu. Nhân tố quan trọng nhất trong việc rèn luyện những thói quen tinh thần cốt ở việc đạt tới thái độ trì hoãn kết luận, ở việc nắm bắt những phương pháp tìm kiếm những dữ liệu mới để chứng thực hoặc gạt bỏ những gợi ý đầu tiên nảy ra. Duy trì trạng thái hoài nghi và liên tục tra vấn một cách hệ thống - đây chính là những thành tố cơ sở của tư duy phê phán.

Như vậy, xuất phát từ những ý nghĩ, đưa lại niềm tin dẫn tới tư duy phê phán ở con người. Từ niềm tin khác nhau dẫn tới việc người ta có những suy nghĩ không giống nhau về các đối tượng, theo những cách thức riêng và điều đó quy định những hành động của họ. Đây

chính là chìa khóa lý giải cho những hành vi khác nhau giữa những con người cùng sống trong một cộng đồng. Mọi hành vi của con người đều chịu sự chi phối của tư duy. Niềm tin khác nhau đưa đến tư duy khác nhau và kết quả là hành động thực tiễn cũng khác nhau. Do vậy, muốn cải biến hành động trước hết phải bắt nguồn từ đổi mới tư duy. Dewey đã gợi ra cho chúng ta một phương pháp luận rất quan trọng trong cải tạo đời sống được bắt nguồn từ sự đổi mới tư duy.

Định nghĩa của Dewey cho rằng “tư duy phê phán” có cả trí tuệ và một thành phần cảm xúc. Vì vậy chúng ta xem tư duy phê phán như khả năng trí tuệ và tình cảm mang tính hệ thống, logic, chặt chẽ. Học sinh phải được dạy để kiểm tra, tìm tòi, đặt câu hỏi và suy nghĩ về những gì họ đã học được. Hoài nghi, đặt câu hỏi và phản ánh là rất cần thiết. Kiểm tra một vấn đề, tìm một giải pháp, suy nghĩ về lý do tại sao bạn đã không thành công, và học hỏi từ những thành công và thất bại của bạn. Như vậy, theo Dewey, *tư duy phê phán là sự phản biện, tranh luận, một thái độ hoài nghi lành mạnh về những tri thức, kết luận có sẵn nhằm tìm kiếm một phương thức đi tìm những dữ liệu mới để rút ra kết luận*. Ba hoạt động này được gọi là việc xem xét hoạt động, kiên trì, và cẩn thận của bất kỳ niềm tin vào chân lý phản ánh hiện thực khách quan.

Từ “ý nghĩ” đến “tư duy” và “tư duy phê phán” là một quá trình nhận thức liên tục của con người đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp nhằm nắm bắt được đầy đủ hơn bản chất của sự vật, hiện tượng. Giữa chúng có sự khác biệt nhưng cũng có mối quan hệ biện chứng với nhau. “Ý nghĩ” là hình

thức đơn giản nhất phản ánh gián tiếp sự vật, diễn ra thường trực trong bộ óc con người, mang tính tự phát, ngẫu nhiên, không mục đích. Từ “ý nghĩ” sẽ cung cấp tài liệu, căn cứ, niềm tin, để con người suy nghĩ, tổ chức tư duy về sự vật nhằm tìm ra cách thức giải quyết những vấn đề nan giải mà cuộc sống đặt ra. Tư duy thường chỉ xuất hiện khi cuộc sống nảy sinh những vấn đề cần tìm cách giải quyết, vì vậy nó luôn bao hàm trong đó một mục đích, tính hiệu quả. Trong các cách tư duy, “tư duy phê phán” là một kiểu tư duy ở đó có sự truy vấn, hoài nghi, phản biện, tìm tòi những căn cứ, tri thức, những tiền đề để đưa ra những kết luận xác đáng về sự vật. Nó đòi hỏi sự truy tìm, sự năng động, sáng tạo trong tư duy, không dễ chấp nhận những kết luận có sẵn về sự vật khi chưa có đủ cứ liệu và những khảo sát tin cậy. Do đó, “ý nghĩ”, “tư duy” và “tư duy phê phán” là những khái niệm có mối quan hệ biện chứng trong sự khác biệt. Giữa chúng có sự giao thoa, cộng sinh và ảnh hưởng, là tiền đề cho nhau. Vì thế mà không phải ngẫu nhiên Dewey đề cập đến “ý nghĩ” trước khi nói về “tư duy” và “tư duy phê phán” trong tác phẩm. Những khái niệm này là công cụ trong lý thuyết của Dewey để từ đó ông xây dựng chiến lược hành động của mình.

2. Ý nghĩa của “tư duy phê phán” trong cải cách giáo dục

Từ cách hiểu về “tư duy” đến “tư duy phê phán” như trên, có thể rút ra mấy ý nghĩa như sau:

- “Tư duy phê phán” đòi hỏi con người phải luôn có sự phản biện, tranh luận, luôn đặt ra những nghi ngờ về những tri thức đã được kết luận. Điều này đòi hỏi con người luôn phải “động não” trước những tri thức, kết luận có

sẵn và cả những vấn đề nan giải do thực tiễn đặt ra.

- Tư duy phê phán đòi hỏi mỗi người phải luôn tự tìm tòi, học hỏi để thay đổi cách nhìn nhận, suy nghĩ về một vấn đề nhằm tìm ra những biện pháp tối ưu trong giải quyết những vấn đề nan giải của cuộc sống.

- Việc thay đổi tư duy thường xuyên, liên tục khiến con người chủ động, sáng tạo trong hành động, nó tránh sự giáo điều, thụ động, ỉ lại do lối tư duy. Giá trị của phương pháp tư duy và phương pháp luận tốt là: giải quyết vấn đề và tạo nên những cơ hội mới. Để có sự thay đổi phương pháp luận và suy nghĩ phải kể đến 2 yếu tố sau:

Một là, cần làm việc, tìm kiếm, rèn luyện để có được những tri thức mới, ý tưởng mới, tự hình thành và thực hành thói quen này trong suốt cuộc đời. Những ý tưởng mới xuất phát từ kinh nghiệm và những tri thức đã có và tích lũy được. Đây là cơ sở để mỗi người luôn đặt ra những câu hỏi nghi vấn trước những kết luận, những nhận định có sẵn.

Hai là, thay đổi tư duy, phương pháp luận, suy nghĩ để có sự sáng tạo là một công việc hết sức khó khăn không phải ai, lúc nào cũng làm được. Nhưng thực hiện điều đó lại cần thiết hơn hết để đáp ứng với sự vận động thường xuyên, liên tục của thực tiễn. Tất nhiên từ việc có được tư duy sáng tạo đến chuyển hóa thành hành động sáng tạo lại là một câu chuyện khác mà nó liên quan đến nhiều nội dung. Tuy nhiên để có những thay đổi sáng tạo trong thực tiễn, trước hết cần có sự thay đổi trong cách thức tư duy.

Từ nhận thức được vai trò của tư duy, tư duy phê phán, chúng ta thấy sự

cần thiết của việc vận dụng trong giáo dục, đào tạo. Mục tiêu của giáo dục không chỉ là sự cung cấp tri thức, thông tin cho người học (những điều này họ có thể tự làm được thông qua nhiều phương thức). Điều quan trọng hơn của nhiệm vụ giáo dục là cung cấp cách thức, con đường để họ tiếp cận đến tri thức, chân lý, thậm chí bằng chính phương pháp ấy mà họ phát minh ra tri thức mới. Khi ta dành thời gian học làm thế nào để có thể thay đổi phương pháp tư duy, phương pháp luận một cách khoa học và trở thành một người sáng tạo, nghĩa là ta đang đầu tư cho chính mình. Bạn có thể giàu có do nhiều vàng, bạc, tiền tài. Nhưng nó có thể sẽ không bền nếu bạn chỉ biết tiêu thụ chúng. Với những người có khả năng suy nghĩ, tư duy và phương pháp luận khoa học sẽ là một mỏ kim cương vô giá, không bao giờ cạn, càng mài càng sáng. Suy nghĩ sáng tạo và có phương pháp luận đúng đắn là vô giá, là một giá trị vô hình của xã hội loài người. “Sức khỏe là vàng, tri thức là kim cương”.

Vận dụng quan niệm của Dewey về tư duy phê phán, trên thế giới đã thực hiện phương pháp giáo dục tích cực trong các trường học. Nhà trường không chỉ là nơi cung cấp những thông tin, tri thức mà điều quan trọng là trang bị cách thức để họ xử lý và vận dụng thông tin vào thực tiễn. Đây trở thành phương pháp lấy người học làm trung tâm với hàng loạt các phương pháp giảng dạy tích cực. Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở các trường học các cấp trên thế giới. Người ta cho rằng, một trong những lý do để Mỹ trở thành một nước hùng mạnh nhất trên thế giới chủ yếu là do nền giáo dục tạo nên. Trong đó quan điểm của John Dewey trở thành một trào lưu mới trong cải cách giáo

dục. Trường Đại học thực nghiệm do ông sáng lập – “Trường Dewey”- là sự hiện thực hóa lý thuyết này của ông. Trong quan niệm của ông “giáo dục là chính cuộc sống” vì vậy, trẻ em đến trường là để làm việc và sống trong một cộng đồng cho họ thực tế, hướng dẫn kinh nghiệm, bồi dưỡng năng lực của mình để đóng góp cho xã hội. Ông cho rằng học sinh nên được tham gia vào các công việc thiết thực của cuộc sống và lồng vào đó là nội dung của các môn học. Chẳng hạn, toán học có thể được học thông qua tỷ lệ học nấu ăn hoặc để tìm ra bao lâu họ có thể đi được từ nơi này đến nơi khác bằng con lắc. Lịch sử có thể học được bằng cách trải nghiệm cách thức con người sống, địa lý, khí hậu, thực vật và động vật phát triển như thế nào, là những đối tượng quan trọng của cuộc sống. Triết lý giáo dục của Dewey đã tạo ra phong trào “cải cách giáo dục” và sự phát triển của các chương trình “trải nghiệm giáo dục” và các thí nghiệm.

Trong chương trình đào tạo của trường Đại học Kinh doanh (Mỹ) cũng đã nhấn mạnh tư duy này. Việc thay đổi mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục đã được Hội đồng Giáo dục (AECC) coi là một trong số các nội dung quan trọng hàng đầu khi thực hiện cuộc cách mạng giáo dục. Tầm quan trọng của tư duy phê phán được thẩm thấu trong tất cả các thành viên của AECC. “Mục tiêu của Giáo dục cho ngành Kế toán”, bao gồm cả phụ lục về “tìm hiểu làm thế nào để học tập tốt” đã chỉ ra mấy yếu tố sau:

- Học sinh phải là người học tích cực trong quá trình học tập, không thụ động chỉ là người nhận thông tin. Họ nên xác định và giải quyết vấn đề không có sẵn cấu trúc mà đòi hỏi phải sử dụng nhiều nguồn thông tin. Học bằng cách

làm, học đi đôi với làm cần được nhấn mạnh. Làm việc theo nhóm nên được khuyến khích. Sáng tạo sử dụng công nghệ là cần thiết.

- Các lớp học kế toán không nên chỉ tập trung vào kiến thức kế toán. Phương pháp giảng dạy, mở rộng và củng cố giao tiếp cơ bản, trí tuệ và kỹ năng giao tiếp nên được sử dụng.

Phương pháp này đã được dùng phổ biến ở hầu hết các trường học trên thế giới hiện nay. Đó là phương pháp giảng dạy lấy người học là trung tâm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của họ.

Ở Việt Nam, chương trình cải cách giáo dục được khẳng định là nội dung quan trọng hàng đầu và được Đảng đặt quyết tâm là nhiệm vụ vừa mang tính cấp thiết vừa mang tính lâu dài cần thực hiện. Tuy nhiên, nhìn vào thực trạng giáo dục hiện nay có thể thấy còn nhiều vấn đề bất cập. Đó là tình trạng học ôm đồm, dẫn đến quá tải tạo ra phản tác dụng của nhiệm vụ giáo dục. Học sinh học nhiều nhưng không nhớ được là bao. Đó còn là lối dạy thụ động, một chiều, thầy giảng trò ghi, thiếu sự truy vấn, sự phản biện từ phía người học làm hạn chế sức sáng tạo của người học. Điều này sẽ đưa đến sức ì trong tư duy và trong cả hành động. Đây là hệ quả không mong đợi của nhiệm vụ giáo dục nước nhà. Trước thực trạng đó, việc vận dụng tư duy phê phán trong giáo dục nói riêng và trong cuộc sống hàng ngày nói chung là cần thiết. Nó không chỉ phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi người mà còn góp phần tìm kiếm những tri thức mới, những chân lý mới trong thực tiễn. Đó cũng là quá trình con người không ngừng cải tạo giới tự nhiên, khám phá

chính bản thân trên hành trình đi tìm kiếm chân lý. Một lần nữa quan điểm của Dewey thể hiện tính hợp lý và sự cần thiết phải vận dụng trong thực tiễn giáo dục ở Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm đang được thực hiện ở một số nơi chính là sự vận dụng tư duy phê phán trong giáo dục của Dewey.

Nói tóm lại, trên cơ sở tìm hiểu quan niệm của Dewey về “tư duy, tư duy phê phán” và việc vận dụng nó trong thực tiễn cho ta thấy rõ sự cần thiết phải nghiên cứu, tìm tòi những tư tưởng quý báu trong kho tàng lịch sử tư tưởng loài người. Nó không chỉ giúp ta có cách nhìn đầy đủ và bao quát hệ thống những quan điểm, tư tưởng của các học thuyết trong lịch sử mà quan trọng hơn là thấy được phương pháp luận khi nghiên cứu các học thuyết này. Xuất phát từ những căn cứ nào để các ông đưa ra những quan điểm, tư tưởng? Nội dung của những quan điểm đó là gì? Điểm mạnh - yếu của những quan điểm đó, từ đó vận dụng gì trong thực tiễn hiện nay. Đó là logic tất yếu khi nghiên cứu các lý thuyết, các học thuyết nói chung và các lý thuyết chính trị nói riêng. Thực hiện được logic ấy là ta đã giải quyết được căn nguyên của những lý thuyết, những học thuyết của các nhà tư tưởng.

Trong các lý thuyết chính trị hiện đại, có nhiều lý thuyết với các trường phái khác nhau trong đó nổi lên mấy trường phái cơ bản như: Chủ nghĩa tình hoa cạnh tranh, chủ nghĩa ích dụng, chủ

nghĩa đa nguyên, chủ nghĩa thực dụng, v.v... John Dewey là một nhà tư tưởng điển hình cho chủ nghĩa thực dụng với những căn cứ, lập luận và những ảnh hưởng nhất định trong đời sống chính trị, triết học, giáo dục thế giới những năm đầu thế kỷ XX. Việc nghiên cứu hệ thống những quan điểm, tư tưởng của Dewey là trở lại kho tàng triết học thực dụng và những lý luận về giáo dục để tìm thấy hạt nhân hợp lý trong cái cách giáo dục hiện nay ở Việt Nam. Cuốn “Cách ta nghĩ” là một trong số nhiều công trình khoa học lớn của ông với những tư tưởng về cải cách giáo dục. Việc nghiên cứu, cảm nhận và “ngộ” những quan điểm đó không phải là dễ. Với tinh thần học hỏi, sự tìm tòi bước đầu này là điều cần thiết cho những hiểu biết sâu sắc hơn về một nhà tư tưởng nói riêng và các lý thuyết chính trị nói chung. Trên tinh thần ấy, tác giả xin được nhận sự góp ý, trao đổi của người đọc để nhận thức thêm tỏ hơn □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. John Dewey (2013), *Cách ta nghĩ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
2. Hickman, Larry A, Ngô Huy Đức (2009), “Tư tưởng chính trị của John Dewey”, Tạp chí *Thông tin Chính trị học*, N03–2009.
3. Lê Văn Tùng (2011), “Triết học giáo dục của John Dewey”, Tạp chí *Giáo dục*, số 1.